

GIÁO DỤC SONG NGỮ Ở VIỆT NAM: CHIẾN LƯỢC VÀ THÀNH TỰU

ĐẶNG THANH PH-ONG

Việt Nam là một quốc gia thống nhất của 54 dân tộc. Nhiều dân tộc sống xen kẽ nhau trên cùng một địa bàn, sử dụng hai hay nhiều ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày. Hiện t-ợng này đ-ợc gọi là hiện t-ợng song/đa ngữ. Có thể nói, trên đất n-ớc Việt Nam, các dân tộc thiểu số đều là những cộng đồng song ngữ. Trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở n-ớc ta, kiểu song ngữ th-ờng gặp là: sử dụng tiếng mẹ đẻ (ngôn ngữ của dân tộc mình) cùng với tiếng Việt (ngôn ngữ phổ thông). Xét về ý nghĩa xã hội thì kiểu song ngữ này là kiểu song ngữ cơ bản trong một quốc gia đa dân tộc, hoà hợp với lợi ích của mỗi dân tộc trong lợi ích quốc gia.

1. Chiến l-ợc song ngữ ở Việt Nam

1.1. Chính sách quốc gia về giáo dục song ngữ vùng dân tộc thiểu số

Nhìn từ góc độ giáo dục, song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số là song ngữ bình đẳng, đã đ-ợc thể hiện rõ ràng qua các chủ tr-ợng phát triển sự nghiệp giáo dục miền núi, lập ch-ơng trình thanh toán nạn mù chữ cho ng-ời dân tộc lớn tuổi, dạy song song tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số trong cấp học phổ thông, đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng Việt và chữ dân tộc cho con em đồng bào dân tộc thiểu số, thành lập loại hình tr-ờng Phổ thông dân tộc nội trú ...

Giáo dục song ngữ ở các vùng dân tộc thiểu số là một chủ tr-ợng xuyên suốt các giai đoạn của cách mạng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam; đ-ợc thể chế hóa trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980 1992; trong Luật Giáo dục, Luật Phổ cập giáo dục

tiểu học... và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Nghị quyết Hội nghị Trung - ơng V, khóa VIII chỉ rõ "... Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình...". Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX tiếp tục nêu rõ: "Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng đ-ợc khuyến khích học chữ dân tộc ...".

Ch-ơng 1, Điều 5 trong Hiến pháp (1992) đã ghi: "Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình". Điều 4 của Luật Phổ cập giáo dục tiểu học (thông qua ngày 16/8/1991) ghi "Giáo dục tiểu học đ-ợc thực hiện bằng tiếng Việt. Các dân tộc thiểu số có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình cùng với tiếng Việt để thực hiện giáo dục tiểu học". Ch-ơng I, điều 5 của Luật giáo dục (Quốc hội thông qua ngày 2/12/1998) nêu "Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà tr-ờng. Nhà n-ớc tạo điều kiện để ng-ời dân tộc thiểu số đ-ợc học tiếng nói chữ viết của dân tộc mình. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số đ-ợc thực hiện theo quy định của chính phủ".

1.2. Giáo dục song ngữ trong học đ-ờng

Theo tinh thần đổi mới Ch-ơng trình giáo dục phổ thông của Nghị quyết 40, Quốc

hội khóa 10 (năm 2000), chiến lược giáo dục song ngữ (tổ chức dạy - học tiếng Việt và tiếng dân tộc cho học sinh dân tộc thiểu số) ở nước ta đang trong quá trình đổi mới và đã có vai trò quan trọng trong việc đạt được mục tiêu giáo dục chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Nội dung, hình thức và quy mô giáo dục song ngữ được áp dụng trong nhà trường vùng dân tộc thiểu số bao gồm:

- Dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trên cơ sở những nguyên tắc và phương pháp phù hợp với quá trình nhận thức của học sinh, tận dụng những vốn tri thức về ngôn ngữ và văn hóa của học sinh; dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số như một ngôn ngữ thứ 2: dạy nói trước dạy đọc và viết; dạy nghe – nói trong suốt quá trình học tập. Đồng thời, sử dụng tiếng mẹ đẻ ở một mức độ nhất định để hỗ trợ cho việc dạy học tiếng Việt ...

+ Chương trình dạy thí điểm tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số (165 tuần), được áp dụng trong giai đoạn cải cách giáo dục;

+ Chương trình môn tiếng Việt trong chương trình 120 tuần dành cho vùng còn gặp nhiều khó khăn trong giáo dục (các xã vùng III);

+ Chương trình mẫu giáo 36 buổi và mẫu giáo 26 tuần dành cho vùng dân tộc thiểu số.

+ Xây dựng tài liệu hỗ trợ cho học sinh và giáo viên vùng dân tộc thiểu số nhằm tăng khả năng tiếp thu và sử dụng tiếng Việt, như: "Hướng dẫn dạy tập nói tiếng Việt" (cho lứa tuổi tiền học đường); "Hướng dẫn dạy tăng cường tiếng Việt" (trong các môn Toán, Tiếng Việt); "Tài liệu bổ trợ cho giáo viên THCS" (theo chương trình THCS mới ở lớp 6,7) (*Báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc*, tr.18).

- Dạy tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với xu hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông trên phạm vi cả nước:

+ Dạy tiếng dân tộc như một môn học ở bậc tiểu học: dạy tiếng Chăm, tiếng Hoa, tiếng Khơ me (loại chữ viết truyền thống), từ lớp 1 – 5 ở một số địa phương các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Lâm Đồng ...; dạy tiếng Ê đê, Ba na, Gia rai, Hmông (mẫu tự Latin) từ lớp 3 đến lớp 5 ở một số địa phương các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu.

+ Dạy Ngữ văn Khơ me và Hoa ngữ ở bậc tiểu học, THCS và THPT.

- Hình thức dạy học chuyển ngữ:

Dạy theo chương trình song ngữ dân tộc - Việt: Tiếng dân tộc thiểu số được dùng làm cơ sở để dạy tiếng Việt từ lớp 1 đến 3; tiếng Việt được dạy như một môn học. Từ lớp 4 trở đi, tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ chuyển tải kiến thức, tiếng dân tộc thiểu số được dạy như một môn học. Đối tượng là các em học sinh không biết tiếng Việt trước khi đi học tiểu học và đã có chữ viết tiếng mẹ đẻ theo mẫu tự Latin. Hình thức này đang được dạy thử nghiệm cho học sinh ở Gia rai (tỉnh Gia Lai).

- Hình thức dạy học tại chức và tự học có sự hướng dẫn. Đối tượng là các cán bộ công chức nhà nước, cán bộ cộng đồng. Chương trình giảng dạy do đội ngũ giáo viên và trí thức địa phương biên soạn và tổ chức dạy (trong nhà chùa, nhà văn hóa cộng đồng, trong các lớp ở buôn, phum, thôn bản...). Tính đến nay đã có trên 20 tỉnh, thành trong cả nước có hoạt động giáo dục song ngữ dân tộc thiểu số Việt - Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Thuận, Bình Thuận,

Gia Lai, Đák Lắk, Kon Tum, An Giang, Trà Vinh ... (Báo cáo của Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc, Bộ Giáo dục & Đào tạo – UNICEP – uỷ ban dân tộc, 2004, tr.19).

1.3. Nghiên cứu, phát triển song/đa ngữ

- Nghiên cứu cơ bản về 53 ngôn ngữ dân tộc thiểu số (kết quả đ-ợc thể hiện qua một số công trình tập thể của Viện Ngôn ngữ học, nh- “Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và chính sách ngôn ngữ”, 1984; “Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam”, 1994 ...).

- Khắng định tính pháp lý của các bộ chữ Thái, Hmông, Tày – Nùng dạng Latin và xây dựng các bộ sách giáo khoa song ngữ.

- Thực hiện giáo dục song ngữ Việt – Thái, Việt – Mèo (từ năm 1959) ở vùng đồng bào Thái, Hmông thuộc miền núi phía Bắc. Hội đồng Chính phủ phê chuẩn các ph-ơng án chữ Tày – Nùng, chữ Mèo (Hmông), chữ Thái (*Nghị định số 206/CP*, ngày 27/11/1961). Triển khai dạy song ngữ ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

- Những năm đầu sau Giải phóng miền Nam, thống nhất đất n-ớc trong quá trình thực hiện Quyết định 53/CP về chữ viết các dân tộc thiểu số của Chính phủ (ban hành ngày 22/2/1980), các bộ chữ Ê đê, Ba na, Gia rai, Cơ ho, Xơ đắng, Cơ tu, Bru-Vân kiều...ra đời và việc dạy song ngữ ở các tỉnh phía Nam phát triển rầm rộ. Các tỉnh Tây Nguyên tổ chức dạy song ngữ Gia rai – Việt, Ê đê - Việt, Ba na – Việt. Tiếp tục cải tiến chữ Chăm “với định h-ớng gìn giữ chữ viết Akhar thrah với việc ghi âm tiếng Chăm hiện nay bằng chữ Latin” [Bùi Khánh Thế, 1993; 11, tr.32]. Dạy tiếng Chăm ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận; dạy tiếng Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh có đông ng-ời Hoa; dạy tiếng Khơ me ở các

tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (*Báo cáo của Uỷ ban Dân tộc*, Bộ Giáo dục & Đào tạo – UNICEP – Uỷ ban dân tộc, 2004, tr.12).

Từ năm 1997 đến nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng đ-ợc 8 bộ ch-ơng trình cho 8 ngôn ngữ dân tộc thiểu số gồm: tiếng Chăm (đến nay đã có 44 đầu sách giáo khoa bằng chữ Chăm của Ban biên soạn sách chữ Chăm tỉnh Ninh Thuận đ- a vào sử dụng, dẫn trong Bộ Giáo dục & Đào tạo – UNICEP – Uỷ ban dân tộc, 2004, tr.39), tiếng Thái, tiếng Ba na, Gia rai, Xơ đắng, tiếng Hán, tiếng Khơ me (phía Nam); ở miền Bắc có tiếng Thái, tiếng Nùng, tiếng Hmông. Theo Hoàng Đức Nghi (2001), có ít nhất 4 bộ ch-ơng trình và sách tiếng Hmông đã và đang đ-ợc dạy ở vùng ng-ời Hmông (Hoàng Đức Nghi, 2001).

- Biên soạn loại sách công cụ bằng 2 thứ tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số nh-: các loại từ điển so sánh, đối chiếu tiếng dân tộc thiểu số – tiếng Việt, tiếng Việt – tiếng dân tộc thiểu số; các Sổ tay ph-ơng ngữ tiếng Việt – tiếng dân tộc thiểu số dùng cho học sinh tiểu học và các sách song ngữ tiếng dân tộc thiểu số – tiếng Việt có nội dung phổ biến kiến thức dùng cho giáo viên trong tr-ờng học (Bộ Giáo dục & Đào tạo – UNICEP – Uỷ ban dân tộc, 2004).

2. Giáo dục song ngữ - động lực phát triển giáo dục cơ sở và phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số

Có thể nói, kết quả của quá trình giáo dục năng lực song ngữ ở một số địa ph-ơng thuộc vùng dân tộc thiểu số n-ớc ta hiện nay, đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của nhiều ngành từ trung - ơng đến địa ph-ơng. Xuất phát từ chính sách đúng đắn về ngôn ngữ, về giáo dục, về văn hóa, xã hội của Đảng và

Chính phủ Việt Nam, các ngành, các cấp đã có nhiều biện pháp, ch-ong trình cụ thể, nâng cao năng lực song ngữ cho ng-ời dân dân tộc thiểu số, phát triển nền giáo dục cơ sở và phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số.

Việc dạy song ngữ tiếng Việt – tiếng dân tộc thiểu số đã góp phần quan trọng cho sự phát triển giáo dục học đ-ờng, nâng cao dân trí, bảo tồn di sản văn hóa, l-u trữ tri thức dân tộc – một phần giá trị của di sản văn hóa quốc gia; góp phần ổn định chính trị và an ninh biên giới. Mặt khác, việc dạy và học tiếng nói, chữ viết dân tộc thiểu số đã phát huy tích cực vai trò của cộng đồng trong phát triển giáo dục, thực hiện tích cực quá trình xã hội hóa giáo dục và nâng cao chất l-ợng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số.

Giáo dục song ngữ Việt – dân tộc thiểu số là nền tảng cơ bản tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển cộng đồng, giải quyết đói nghèo và các vấn đề khác nh- chăm sóc sức khỏe, quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên; ng-ời dân tộc thiểu số tham gia ngày càng nhiều vào quá trình phát triển xã hội và xây dựng đất n-ớc, nhằm h-ớng tới một t-ong lai tốt đẹp cho cộng đồng và cá nhân ng-ời dân tộc thiểu số.

Thực tế nhiều thập niên qua cho thấy, lớp ng-ời đã từng học chữ Hmông, chữ Tày – Nùng và chữ Thái vào những năm 60, 70 của thế kỷ XX không những đã trở thành đội ngũ cán bộ, trí thức nòng cốt, những văn nghệ sĩ tiêu biểu ở quê h-ong, mà họ còn là lực l-ợng lao động quan trọng trong các ngành giáo dục, y tế, nghệ thuật; trong lực l-ợng công an vũ trang, quân đội trên khắp các vùng, miền của đất n-ớc.

3. Thách thức và những vấn đề đặt ra đối với giáo dục song ngữ ở vùng dân tộc thiểu số

Đối t-ợng chính tiếp nhận giáo dục song ngữ ở vùng dân tộc thiểu số n-ớc ta là trẻ em và ng-ời lớn ch-a biết chữ. Trong khi đó, các ch-ong trình xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học lại h-ớng tới lứa tuổi từ 10 đến 35, mà trên thực tế ở miền núi, lứa tuổi từ 15 đến 35 vừa là lực l-ợng lao động chính, rất khó tiếp thu một ngôn ngữ khác ngoài tiếng mẹ đẻ (so với lứa tuổi tiền học đ-ờng). Trẻ em là lứa tuổi có khả năng tiếp thu đ-ợc giáo dục song ngữ (Ch.P. Bouton, 1976; Bùi Khánh Thế, 1978), nh-ng độ tuổi vào lớp 1 của trẻ em dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa th-ờng rất muộn (khoảng từ 10 – 15 tuổi). Vào tuổi này, tiếng mẹ đẻ đã đ-ợc xác lập ổn định, nên việc học ngôn ngữ thứ hai ngoài tiếng mẹ đẻ cũng rất khó khăn.

Hành vi ngôn ngữ, hành vi ứng xử, đặc điểm tâm sinh lý, thói quen t- duy và diễn đạt... của học sinh dân tộc thiểu số đều bị quy định bởi văn hóa truyền thống của dân tộc. Hay nói khác đi, ẩn sau những từ ngữ là đặc tr-ng văn hóa của mỗi dân tộc. Những sự vật, hiện t-ợng văn hóa gắn bó với ng-ời Kinh và tiếng Việt th-ờng xa lạ với học sinh dân tộc thiểu số mới b-ớc vào tiểu học. Bởi vậy, việc biên soạn những bộ sách giáo khoa song ngữ (nhất là môn ngữ văn) cần chú ý tăng c-ờng hình ảnh và những chú giải cần thiết.

Xin dẫn một ví dụ của Phạm Hồng Thuý “...trong một giờ dạy làm phép tính số học, thầy hỏi trò dân tộc thiểu số: - Em có 3 trái cam, ăn hết 2, còn mấy? – Ta không biết. Buôn ta không có cam, ta không biết. – Vậy em chặt đ-ợc 3 cây gỗ, dựng nhà mát 2, còn mấy? À, vậy thì ta biết rồi. Còn một (Phạm

Hồng Thuỷ, trong Trung tâm Khoa học xã hội 1993, tr. 262).

Tầng c-ờng giáo viên là ng-ời dân tộc bản địa và khuyến khích giáo viên là ng-ời Kinh và ng-ời dân tộc không phải bản địa học tiếng dân tộc bản địa, bởi muốn dạy tốt ch-ong trình song ngữ tiếng Việt – tiếng dân tộc thiểu số, thì tr-ớc hết họ phải là “những ng-ời nắm bắt và truyền đạt đ-ợc bản chất của hai ngôn ngữ khác biệt nhau” (Phạm Hồng Thuỷ, trong Trung tâm Khoa học xã hội..., 1993; tr. 260). Trên thực tế, lực l-ợng giáo viên ở một số khu vực nh- Tây Nguyên và Tây Nam Bộ chủ yếu là ng-ời Kinh, không biết tiếng dân tộc thiểu số. Do đó, việc vận động học sinh đến tr-ờng đã khó, lại càng khó gấp bội trong việc truyền đạt kiến thức cho học sinh.

Số trẻ em dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa thất thất học không ít. Vì vậy, mặc dù Chính phủ đã đầu t- rất nhiều cho việc biên soạn một số sách giáo khoa bằng chữ dân tộc thiểu số, nh- ng hiệu quả đ- a chữ dân tộc thiểu số vào sử dụng trong đời sống không cao.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo – UNICEP – Ủy ban dân tộc. *Kỷ yếu Hội nghị quốc gia: Chính sách, chiến l-ợc sử dụng và dạy – học tiếng dân tộc, tiếng Việt cho các dân tộc thiểu số*, Hà Nội, 11/2004.

2. Ch. P. Bonton. *Le devel Opement du langage*, Mason Presse de 1 UNESCO, Paris. 1976 (t- liệu dịch – Thông tin KHXXH, số 2, 1981, tr. 21).

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2005.

4. Hội đồng dân tộc của Quốc hội khóa X. *Chính sách và pháp luật của Đảng, Nhà n-ớc về dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 2000.

5. Hoàng Đức Nghi. *Về công tác dân tộc trong 10 năm đổi mới (1990 – 2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 2001.

6. Đặng Thanh Ph-ong & Trần Hữu Sơn. *Song ngữ và sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục*, DTH, H, 1989, số 2-3, tr. 134-145.

7. Đặng Thanh Ph-ong. *Phát triển song ngữ ở các dân tộc thiểu số n-ớc ta: từ chính sách đến thực tiễn*, DTH, H, 2006, số 6, tr. 42 - 47.

8. Mông Kí Slay. *Cần quan tâm đến đặc điểm dân tộc trong việc dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc*, Nghiên cứu Giáo dục, 5/1993.

9. Phan Xuân Sơn – L-u Văn Quảng (Đồng chủ biên). *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở n-ớc ta hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, H. 2006.

10. Bùi Khánh Thế. *Một cứ liệu về nghiên cứu song ngữ ở Việt Nam*, Ngôn ngữ, 1/1979.

11. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Viện Khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh. *Giáo dục ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số phía Nam*, Nxb.Khoa học xã hội, H. 1993.

12. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Ngôn ngữ học. *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, H. 2002.